

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 67/2023/DS-ST

Ngày: 15-8-2023

*"V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng"*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Mẫn.**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Lập.**
2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Diễm.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên
tòa:* Bà **Lữ Ngọc Minh Châu** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2022/TLST – DS ngày 21 tháng
10 năm 2022 về ***"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*** theo quyết định đưa vụ án ra
xét xử số: 161/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân
dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Đ**

Địa chỉ trụ sở chính: số 130, P, quận Pn, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T, Chức vụ: Chủ tịch Hội
đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thanh H, Chức vụ: Giám đốc
Phòng giao dịch Vũng Liêm.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Thanh H là ông Lê Quang L,
sinh năm: 1998 (theo văn bản ủy quyền ngày 01/3/2022) (vắng mặt, có đơn xin
vắng mặt).

Địa chỉ: số 91 N, thị trấn V, huyện V, tỉnh V.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H** – sinh năm: 1977 (vắng).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Hồ Văn M** – sinh năm: 1978 (vắng).

2. Bà **Nguyễn Thị Ngọc T** - sinh năm: 1980 (vắng).

Cùng địa chỉ: ấp 6, xã T, huyện V, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 10 năm 2022 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 14/12/2018 Ngân hàng TMCP Đ (viết tắt là Ngân hàng TMCP Đông Á) có cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền 20.000.000đ, người bảo lãnh là ông Hồ Văn M là chồng của bà H. Bà H và ông M vay tiền của Ngân hàng TMCP Đ thông qua chương trình cho vay trả góp dành cho hội viên Hội phụ nữ xã T. Theo hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 0160958501T18055 ngày 14/12/2018, số tiền vay 20.000.000đ, lãi suất 11%/năm, lãi suất quá hạn 16,5%/năm, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay chăn nuôi. Biện pháp đảm bảo thì ông M có văn bản cam kết với Ngân hàng TMCP Đ về việc chịu trách nhiệm trả nợ thay cho bà H trong trường hợp bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ. Ông M là chồng của bà H, khoản vay của bà H phát sinh trong thời kỳ hôn nhân.

Trong quá trình vay từ ngày 15/12/2018 đến ngày 03/10/2022, bà H, ông M đã trả được tổng số tiền như sau: tiền vốn là 16.384.615đ, lãi trong hạn là 2.115.385đ, lãi quá hạn: 0đ. Tổng cộng là 18.500.000đ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 15/01/2019 Ngân hàng TMCP Đ đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 15/8/2023 bà H, ông M còn nợ lại các khoản như sau: vốn 3.615.385đ, lãi trong hạn là 84.615đ, lãi quá hạn 2.724.664đ. Tổng cộng là 6.424.664đ. Nay Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu bà H, ông M có nghĩa vụ liên đới trả lại tiền vay cho Ngân hàng TMCP Đ đối với số tiền vốn và tiền lãi tính đến ngày 15/8/2023 là 6.424.664đ và Ngân hàng TMCP Đ được quyền tính lãi liên tục theo hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 0160958501T18055 ngày 14/12/2018 với số tiền vốn 3.615.385đ.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn M vắng mặt nhưng tại bảng khai ý kiến ngày 24/11/2022 bà H và ông M cùng trình bày:** Vào ngày 14/12/2018 ông bà có vay số tiền 20.000.000đ của Ngân hàng TMCP Đ số tiền vay 20.000.000đ, lãi suất 11%/năm, lãi suất quá hạn 16,5%/năm, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay chăn nuôi. Trong quá trình vay vợ chồng ông bà có đóng tiền vốn và tiền lãi cho Ngân hàng TMCP Đ đầy đủ thông qua hội phụ nữ xã do tổ trưởng là bà Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp thu tiền để giao nộp lại cho Ngân hàng mỗi tháng. Còn 02 kỳ cuối vào khoảng cuối năm 2019 thì vợ chồng ông bà có đóng tiền vốn và lãi cho bà T số tiền khoảng 3.600.000đ để bà T giao nộp lại cho Ngân hàng, khi vợ chồng ông bà đóng tiền cho bà T thì không có làm giấy tờ do tin tưởng. Nay Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu vợ chồng ông bà có nghĩa vụ liên đới trả lại tiền vay cho Ngân hàng TMCP Đ đối với số tiền vốn và tiền lãi tính đến ngày 15/8/2023 là 6.424.664đ và Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu tính lãi liên tục theo hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 0160958501T18055 ngày 14/12/2018 với số tiền vốn 3.615.385đ thì vợ chồng ông bà hoàn toàn không đồng ý.

Bà H, ông M và bà T đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng bà H, ông M và bà T không đến Tòa án để tham gia các phiên tòa xét xử. Xét việc vắng mặt của bà H, ông M và bà T không gây trở ngại cho việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông M và bà T.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có ý kiến:** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tuân thủ đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Hướng giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đông Á.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Đông Á số tiền vay vốn 3.615.385đ, số tiền lãi là 2.809.279đ. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 6.424.664đ và trả lãi tiếp từ ngày 16/8/2023 đến khi án có hiệu lực pháp luật, theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 10/12/2018.

Đến hạn trả tiền, nếu bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Văn M không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 10/12/2018 và hợp đồng tín dụng cho vay trả góp ngày 14/12/2018, trên số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Văn M phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 321.000đ.

Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Ngân hàng TMCP Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ và bị đơn bà Nguyễn Thị H. Bà H có nơi cư trú tại ấp 6, T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Đ và bà H, ông M được ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận của các bên.

Nay Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu bà H, ông M có nghĩa vụ liên đới trả lại tiền vay cho Ngân hàng TMCP Đ đối với số tiền vốn và tiền lãi tính đến ngày

15/8/2023 là 6.424.664đ và Ngân hàng TMCP Đ được quyền tính lãi liên tục theo hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 0160958501T18055 ngày 14/12/2018 đối với số tiền vốn 3.615.385đ.

Theo đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 10/12/2018 thông tin người vay là bà Nguyễn Thị H, thông tin người bảo lãnh ông Hồ Văn M là chồng của bà H. Số tiền vay 20.000.000đ, mục đích sử dụng vốn chăn nuôi, thời hạn đề nghị vay 12 tháng. Phần cam kết của người bảo lãnh trong trường hợp bà Hằng không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hàng kỳ cho Ngân hàng TMCP Đ thì ông M sẽ trả nợ thay cho bà H cho đến khi hết nợ vay tại Ngân hàng TMCP Đ. Bên người vay có bà H ký tên và ghi họ tên, bên người bảo lãnh có ông M ký tên và ghi tên và được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận.

Tại hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 0160958501T18055 ngày 14/12/2018. Bên cho vay Ngân hàng TMCP Đ, bên vay Nguyễn Thị H, số tiền vay 20.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay vốn chăn nuôi, lãi suất tính trên dư nợ ban đầu trong hạn 11%/năm, tương đương lãi suất cho vay tính trên dư nợ thực tế là 20,31%/năm, lãi suất quá hạn 150% so với lãi suất trong hạn. Bên vay bà H ký tên và ghi họ tên vào hợp đồng tín dụng cho vay trả góp. Bà H vay tiền của Ngân hàng TMCP Đ thông qua chương trình cho vay trả góp dành cho hội viên Hội phụ nữ xã T, theo danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 14/12/2018 có 20 thành viên trong danh sách có bà H số thứ tự số 19 thể hiện cụ thể họ và tên Nguyễn Thị H, số tiền vay 20.000.000đ, bà H đã ký tên và ghi họ tên vào cột người vay ký xác nhận, có Ngân hàng TMCP Đ xác nhận.

Trong quá trình Tòa án giải quyết thì bà H và ông M trình bày ông bà đã trả tiền vốn và tiền lãi đầy đủ cho Ngân hàng TMCP Đ thông qua hội phụ nữ xã do tổ trưởng là bà Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp thu tiền để giao nộp lại cho Ngân hàng mỗi tháng nhưng bà H và ông M không cung cấp được tài liệu chứng cứ và bà T vắng mặt nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ buộc bà H và ông M có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền vay vốn 3.615.385đ, số tiền lãi là 2.809.279đ, tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 6.424.664đ. Ngân hàng TMCP Đ được quyền tính lãi liên tục theo hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 0160958501T18055 ngày 14/12/2018 đối với số tiền vốn 3.615.385đ.

Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, về nội dung của vụ kiện là phù hợp với quy định.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà H và ông M phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 321.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466 Bộ luật dân sự;

khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền vay vốn 3.615.385đ (Ba triệu sáu trăm mười lăm nghìn ba trăm tám mươi lăm đồng), số tiền lãi là 2.809.279đ (Hai triệu tám trăm lẻ chín nghìn hai trăm bảy mươi chín đồng). Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 6.424.664đ (Sáu triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm sáu mươi bốn đồng) và trả lãi tiếp từ ngày 16/8/2023 đến khi án có hiệu lực pháp luật, theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 10/12/2018.

Đến hạn trả tiền, nếu bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Văn M không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 10/12/2018 và hợp đồng tín dụng cho vay trả góp ngày 14/12/2018, trên số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Văn M phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 321.000đ (Ba trăm hai mươi một nghìn đồng).

Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số N^o0008818, ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Kim Mẫn

